

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07 tháng 10 năm 2019

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIALAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

2. Ông Nghiêm Thế Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên – Kiểm sát viên

Trong ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 522/2019/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Thu T**, sinh năm 1993

Địa chỉ: 116 NVC, phường DH, thành phố P, tỉnh Gia Lai
Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Võ Hoàng S**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 03, phường IK, thành phố P, tỉnh Gia Lai
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2019, bản tự khai ngày 22/7/2019, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Võ Hoàng S tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên – Huế ngày 03/10/2014. Thời gian đầu vợ chồng

chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Võ Hoàng S cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị đã trả nợ cờ bạc cho anh S nhiều lần, đã nhờ gia đình can thiệp nhưng anh vẫn không thay đổi tính nết. Trong cuộc sống anh S vẫn còn tính ăn chơi, không ổn định công việc nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh S có đánh chị. Giữa chị và anh S không có tiếng nói chung, khác biệt quan điểm sống cho nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị nhận thấy bản thân không còn tình cảm với anh S, không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Võ Hoàng S.

Về con chung: Chị và anh Võ Hoàng S có 01 (Một) con chung là cháu Võ Hoàng Hải Đ, sinh ngày 11/8/2014. Cháu hiện đang chung sống với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục nhận chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Võ Hoàng Hải Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị đủ điều kiện để nuôi con nên không yêu cầu anh Võ Hoàng S cấp dưỡng. Tuy nhiên vì lợi ích của cháu Võ Hoàng Hải Đ, chị đồng ý với mức cấp dưỡng do anh Võ Hoàng S đề nghị là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị và anh Võ Hoàng S tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nghĩa vụ chung phải thực hiện do đó chị không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề này.

Theo bản tự khai ngày 29/7/2019, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa anh Võ Hoàng S trình bày:

Anh và chị Phan Thị Thu T tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 03/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên – Huế. Trong quá trình chung sống anh chị có xích mích nguyên nhân là do thời gian đầu anh có chơi cờ bạc và gánh nợ cho anh em bạn bè dẫn đến kinh tế trong gia đình lâm vào tình trạng khó khăn. Tuy nhiên giai đoạn gần đây anh không tham gia chơi cờ bạc nữa nhưng kinh tế không được cải thiện nên vợ chồng xảy ra cãi vã, anh có đánh chị T vì chị T có những lời nói xúc phạm đến gia đình và danh dự bản thân anh. Tuy nhiên vì lợi ích của con chung là cháu Võ Hoàng Hải Đ, anh không muốn cháu Đ mất cha hoặc mất mẹ nên chị Phan Thị Thu T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, anh đề nghị anh và chị T sống ly thân một thời gian để suy nghĩ lại về cách sống của hai vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị Phan Thị Thu T có 01 (Một) con chung là cháu Võ Hoàng Hải Đ, sinh ngày 11/8/2014. Cháu hiện đang chung sống với chị Phan Thị Thu T nên trường hợp ly hôn anh đồng ý giao cháu Đ cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Võ Hoàng Hải Đ, sinh ngày 11/8/2014 là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh và chị Phan Thị Thu T không có tài sản chung và nghĩa vụ chung phải thực hiện do đó anh không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề này.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chị Phan Thị Thu T và bị đơn anh Võ Hoàng S chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thu T về yêu cầu ly hôn với anh Võ Hoàng S; công nhận sự thỏa thuận giữa chị Phan Thị Thu T và anh Võ Hoàng S về con chung: Giao cháu cháu Võ Hoàng Hải Đ, sinh ngày 11/8/2014 cho chị Phan Thị Thu T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Võ Hoàng S cấp dưỡng nuôi con chung Võ Hoàng Hải Đ, sinh ngày 11/8/2014 với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng. Chị Phan Thị Thu T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Phan Thị Thu T và anh Võ Hoàng S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không thuộc trường hợp cấm kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tại xã VT, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên – Huế ngày 03/10/2014. Hôn nhân của chị T và anh S tuân thủ theo Điều 9,10,11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nên hôn nhân hợp pháp.

Do mâu thuẫn vợ chồng chị Phan Thị Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Võ Hoàng S đồng thời giải quyết về vấn đề con chung, bị đơn anh Võ Hoàng S cư trú trên địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử

[2] Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị sinh sống nhưng không xác định được mâu thuẫn vợ chồng tuy nhiên hiện nay chị T và anh S đang sống ly thân khoảng 02 tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Phan Thị Thu T và anh Võ Hoàng S đều thừa nhận giữa anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Võ Hoàng S cờ bạc, ăn chơi gây nợ nần dẫn đến chị Phan Thị Thu T phải trả nợ cho anh S nhiều lần. Từ mâu thuẫn như trên chị T và anh S thường xuyên xảy ra cãi vã, lời lẽ xúc phạm danh dự lẫn nhau và gia đình hai bên; trong lúc cãi vã anh S có đánh chị T. Anh chị đã từng sống ly thân để cân nhắc về tình cảm và hành vi của hai bên sau đó trở về chung sống nhưng đến nay do mâu thuẫn tiếp tục phát sinh anh chị hiện không chung sống cùng nhau dưới một mái nhà và tại bản tự khai bản thân anh S

cũng yêu cầu tạm thời anh chị sống ly thân một thời gian để suy nghĩ về cách sống của hai vợ chồng.

Hạnh phúc hôn nhân được xây dựng trên cơ sở vợ chồng thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc nhưng giữa chị T và anh S qua thời gian chung sống không còn sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, càng ngày càng thể hiện rõ sự khác biệt về quan điểm, lối sống, chí hướng và không có sự hòa hợp trong tính cách; chị T không còn tình cảm yêu thương đối với anh S; anh chị không còn sự quan tâm, giúp đỡ nhau theo đạo nghĩa vợ chồng mà chỉ còn trách nhiệm, nghĩa vụ đối với con chung.

Từ đó có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị Phan Thị Thu T và anh Võ Hoàng S phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thu T, xử cho chị T được ly hôn với anh Võ Hoàng S.

Về con chung: Chị Phan Thị Thu T và anh Võ Hoàng S có 01 (Một) con chung là cháu Võ Hoàng Hải Đ, sinh ngày 11/8/2014.

Tại phiên tòa chị Phan Thị Thu T và anh Võ Hoàng S thống nhất giao cháu Võ Hoàng Hải Đ cho chị Phan Thị Thu T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Võ Hoàng S đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là Võ Hoàng Hải Đ, sinh ngày 11/8/2014 là 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực theo quy định của pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị Phan Thị Thu T cũng thống nhất với nội dung về cấp dưỡng nuôi con như trên

Xét thỏa thuận về quyền nuôi con chung khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng của chị Phan Thị Thu T và anh Võ Hoàng S phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận của chị Phan Thị Thu T và anh Võ Hoàng S về quyền nuôi con chung khi ly hôn và cấp dưỡng trong phần quyết định.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Phan Thị Thu T và anh Võ Hoàng S không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án này.

Về án phí: Chị Phan Thị Thu T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; anh Võ Hoàng S phải chịu tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 246, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 10, 11, 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị Thu T

Chị Phan Thị Thu T được ly hôn với anh Võ Hoàng S

2. Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Phan Thị Thu T và anh Võ Hoàng S:

Giao cháu Võ Hoàng Hải Đ, sinh ngày 11/8/2014 cho chị Phan Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Võ Hoàng S đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Võ Hoàng Hải Đ, sinh ngày 11/8/2014 với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực theo quy định của pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Phan Thị Thu T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai số 0001713 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Anh Võ Hoàng S phải chịu nộp tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng sung công quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn chị Phan Thị Thu T và bị đơn anh Võ Hoàng S được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;
- UBND xã VT, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên – Huế (Chứng nhận kết hôn số 90 - quyền số 02 – ngày 03/10/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thị Thanh Thúy

